TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 247/2023/DS-PT
Ngày: 28/12/2023
V/v tranh chấp nợ hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Ngô Thị Minh Trang

Các Thẩm phán: Ông Trần Bá Kha

Bà Nguyễn Thị Nhiên

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu Xương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: ông Trịnh Văn Đ- Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 179/2023/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp nợ hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 214/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị L năm 1976;
Địa chỉ: A đường N, phường A, quận D, thành phố Hồ Chí Minh
- **Bị đơn:** Ông Mai Văn D năm 1964 và bà Trần Thị Xuân H năm 1965;
Cùng địa chỉ: Ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang

Người kháng cáo: bị đơn Mai Văn D1

(Bà LHDcó mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Nguyên đơn bà Phạm Thị L1 bày*:**

Vào ngày 25/10/2014 (âm lịch), vợ chồng ông Dbà H1 đứng ra mở 01 dây hụi tháng, dây hụi có giá là 1.000.000đ, hụi được xổ vào ngày 25/10/2014 (âm lịch), có tổng số 50 phần, bà có tham 03 phần, tuy nhiên do ở xa nên bà có nhờ bà

Võ Thị D2 hụi giùm, quá trình chơi hụi thì bà đều đóng hụi đầy đủ cho bà H2 đến kỳ thứ 34; đến kỳ khui hụi thứ 35 thì vợ chồng ông Dbà H3 bố bãi hụi (khoảng tháng 8/2017), như vậy bà đã đóng hụi sống cho vợ chồng ông D3 Hđược 34 kỳ, từ khi tuyên bố bãi hụi cho đến nay vợ chồng ông Dbà H4 có trả lại tiền đóng hụi cho bà. Bà đã nhiều lần liên hệ yêu cầu vợ chồng ông D3 Htrả lại tiền góp hụi nói trên nhưng ông Dbà H5 hẹn mà không trả và không trả. Ông Dbà H6 cố tình đã kéo dài cho đến nay là khoảng 09 năm mà chưa có trả nên nay bà yêu cầu lấy đủ như sau: bà yêu cầu tính theo mức bình quân là 600.000đ/1 lần khui hụi x 34 kỳ x 3 phần = 61.200.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ tháng 8/2017 cho đến ngày xét xử.

***Tại bản giải trình ngày 23/4/2021 và tại phiên tòa bị đơn ông Mai Văn D1 trình bày*:** Ông thừa nhận vợ ông là bà Trần Thị Xuân H7 mở dây hụi và khui vào ngày 25/10/2014 (âm lịch), dây hụi có giá là 1.000.000đ, có 50 phần tham gia, bà L2 chơi 03 phần; dây hụi này được đóng tới kỳ thứ 34 thì vợ chồng ông tuyên bố bãi hụi (vào khoảng tháng 8/2017), lý do bãi hụi do một số hụi viên không đóng hụi sau khi hốt, có một số hốt hụi xong thì bỏ đi làm ăn xa không chịu đóng hụi. Sau khi tuyên bố bãi hụi thì vợ ông có mời các hụi viên lại để thương lượng.

Theo ông biết lúc thỏa thuận thì bà L3 đồng ý lấy lại trên vốn gốc đã đóng của 03 phần, mỗi phần là 13.330.000đ; bà H7 đồng ý trả lại cho bà L4 tiền vốn gốc là 13.330.000đ/1 phần vào tháng 3/2019 (âl) và tháng 6/2019 (âl), nếu không thực hiện đúng thì sẽ tính lại từ đầu tức là 34 kỳ hụi sống là 34.000.000đ. Do dây hụi này là đã ngừng nên nay ông chỉ đồng ý trả trên số tiền thực đóng của bà L5 là 13.330.000đ x 3 phần = 39.990.000đ, ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/6/2023 người làm chứng bà Võ Thị D4 bày: Vào ngày 25/10/2014 (âm lịch), vợ chồng ông Dbà H1 đứng ra mở 01 dây hụi tháng, dây hụi có giá là 1.000.000đ, có tổng số 50 phần, bà L2 tham 03 phần, tuy nhiên do ở xa nên bà L6 tiền nhờ bà đóng hụi giùm cho bà L7 thời gian đầu (vì bà là mợ của bà L8 gian sau này thì bà L9 trực tiếp đến giao dịch hụi với vợ chồng ông D5 trình chơi hụi thì bà biết bà L đều đóng hụi đầy đủ đến kỳ thứ 34, cho đến lần khui hụi thứ 35 thì vợ chồng ông Dbà H3 bố bãi hụi, từ khi tuyên bố bãi hụi cho đến nay vợ chồng ông Dbà H4 có trả lại tiền đóng hụi cho bà L. Việc bà L tham gia chơi 03 phần hụi và nhờ bà đứng ra đóng hụi giùm thì vợ chồng ông D3 Hđều biết, riêng bà cũng có tham gia chơi 02 phần của dây hụi 1.000.00đ này, sau khi bãi hụi thì giữa tôi và ông D6 thương lượng và ông D7 toán xong cho bà. Nay,

bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo yêu cầu khởi kiện của bà L ngoài ra bà không có yêu cầu nào khác.

Đối với bị đơn bà Trần Thị Xuân H8 quá trình thụ lý giải quyết vụ án đã được Tòa án tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng bà H không cung cấp bản tự khai và cũng không đến Tòa án để làm việc nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của bà H10

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao tỉnh Kiên Giang đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L11 với ông Mai Văn D8 Trần Thị Xuân H11 về tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Buộc ông Mai Văn D8 Trần Thị Xuân H12 đới thanh toán cho bà Phạm Thị L12 số tiền gốc 61.200.000đ và lãi là 33.573.674đ, tổng cộng là 94.773.674đ (*Chín mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm bảy mươi bốn đồng*).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chậm thanh toán, án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04/8/2023, bị đơn ông Mai Văn D9 đơn kháng cáo với nội dung: ông không có khả năng trả số tiền 97.773.674 đồng cho bà Phạm Thị L13 bản án sơ thẩm đã tuyên. Ông chỉ có khả năng trả cho bà L4 tiền 39.990.000 đồng và yêu cầu không tính tiền lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Phạm Thị L14 nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông Mai Văn D10 nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Mai Văn D10 nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã tống đạt bản án cho các đương sự đầy đủ và bị đơn Mai Văn D11 cáo bản án trong thời hạn luật định nên kháng cáo của ông Dhợp l.

[2]. Về nội dung

[2.1].Vào ngày 25/10/2014 (âm lịch) giữa bà Phạm Thị L15 bà Trần Thị Xuân H7 thỏa thuận việc chơi hụi và góp hụi với nhau, dây hụi do bà H13 chủ hụi, còn bà L16 hụi viên. Dây hụi 1.000.000đ/tháng, hụi được áp ngày 25/10/2014 (âm lịch). Quá trình chơi hụi, bà L(thông qua bà Võ Thị D12 thực hiện đầy đủ nghĩa vụ góp hụi của 03 phần hụi nói trên cho bà H14 kỳ lĩnh hụi thứ 35 thì bà H3 bố ngưng xổ hụi. Từ khi ngưng xổ hụi đến nay, vợ chồng bà H15 chưa giao trả lại tiền góp hụi cho bà L17 bà L18 kiện đòi lại số tiền đã góp hụi là 34 kỳ, tuy nhiên bà chỉ yêu cầu tính theo mức bình quân là 600.000đ/1 lần khui hụi x 34 kỳ x 3 phần = 61.200.000 đồng về yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật, tính từ tháng 8/2017 cho đến nay.

[2.2]. Xét kháng cáo của ông Mai Văn D1

Tại phiên tòa phúc thẩm ông D13 bà H16 nhận việc bà Trần Thị Xuân H7 tổ chức dây hụi và bà L2 tham gia chơi 03 phần hụi với bà H17 đã đóng tiền hụi được 34 kỳ. Ông D và bà H cho rằng việc bà L yêu cầu tính theo mức bình quân đóng hụi gốc 600.000 đồng là không đúng vì thực tế mỗi lần đóng hụi gốc là khoảng từ 300.000 đồng – 400.000 đồng và chỉ đồng ý thanh toán cho bà L16 13.330.000đ x 3 phần = 39.990.000đ.

Hội đồng xét xử xét thấy trình bày của ông D13 bà H18 không có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ tại phiên tòa ông D14 trình sổ ghi số tiền đóng hụi theo ông D15 bày là do bà Võ Thị D16 đối với dây hụi của bà Nguyễn Thị M H1để xác định số tiền đóng hụi gốc của bà D1và bà H1là 13.330.000 đồng nhưng không có chữ ký xác nhận. Ông D17 rằng số tiền hụi gốc đã đóng của bà L3 giống nhưng bà L19 thừa nhận.

Ngoài ra, đối với việc tham gia chơi hụi giữa bà L15 bà H19 hụi 1.000.000 đồng/ tháng đã phát sinh tranh chấp và đã xét xử tại bản án dân sự phúc thẩm số 205/2018/DS-PT ngày 05/12/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang. Theo bản án dân sự phúc thẩm số 205/2018/DS-PT ngày 05/12/2018 đã xác định bà L20 gia chơi hụi do bà H20 chức mở ngày 25/10/2014 (âm lịch), bà L20 gia 07 phần, đã lĩnh 04 phần nhưng bà H21 giao đủ tiền nên phát sinh tranh chấp, còn lại 03 phần hụi bà L21 tiếp tục góp tiền cho đến khi bà H3 bố ngừng hụi. Bản án phúc thẩm số 205/2018/DS-PT ngày 05/12/2018 cũng xác định số tiền bà L22 cho bà H22 phần hụi là 1.800.000 đồng để cấn trừ tiền nợ của bà H chưa giao tiền hụi cho bà L23 hụi được lĩnh. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền trung bình 600.000 đồng/ tháng là có căn cứ. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa

phúc thẩm bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh về số tiền thực tế bà L9 đóng hụi cho bà H18 39.990.000 đồng và bà L3 không đồng ý số tiền này nên không có căn cứ để xem xét .

[2.3]. Vì vậy, bản án sơ thẩm căn cứ Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 quy định trách nhiệm của chủ họ do không giao các phần họ cho thành viên được lĩnh họ "*Trong trường hợp chủ họ đã thu các phần họ của các thành viên nhưng không giao cho thành viên được lĩnh họ thì theo yêu cầu của thành viên có quyền lĩnh họ, chủ họ phải giao các phần họ đã thu được cho thành viên đó và bồi thường thiệt hại nếu có….*" để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Mai Văn D8 Trần Thị Xuân H12 đới thanh toán cho bà L số tiền nợ hụi là 600.000đ x 34 kỳ x 3 phần = 61.200.000đ và yêu cầu tính lãi suất theo quy định là 10%/năm và lãi suất được tính như sau: 61.200.000đ x $65^{\text{tháng}}$ $25^{\text{ngày}}$ x 0,8333%/tháng = 33.573.674đ, tổng cộng gốc và lãi là 61.200.000đ + 33.573.674đ = 94.773.674đ (*Chín mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm bảy mươi bốn đồng*) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kểm sát nhân dân tỉnh Kkhông chấp nhận kháng cáo của bị đơn Mai Văn D10 nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí:

-Án phí sơ thẩm: Ông Mai Văn Dbà Trần Thị Xuân H23 phải chịu án phí dân sự theo giá ngạch .

- Án phí phúc thẩm: Bị đơn Mai Văn D18 chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận. Ông D19 khấu trừ số tiền đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm số 0000681 ngày 04/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao tỉnh Kiên Giang.

Nguyên đơn được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 2.350.000đ theo biên lai thu số 0009785 ngày 15/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Mai Văn D1

- Giữ nguyên bản án Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 147, 227,và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 357, Điều 471 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 27 Nghị định 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L11 với ông Mai Văn D8 Trần Thị Xuân H23 về tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Buộc ông Mai Văn D8 Trần Thị Xuân H12 đới thanh toán cho bà Phạm Thị L12 số tiền gốc 61.200.000đ và lãi là 33.573.674đ, tổng cộng là 94.773.674đ (*Chín mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm bảy mươi bốn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.**2.** Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Buộc ông Mai Văn D8 Trần Thị Xuân H23 phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 4.738.683 (*Bốn triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi ba đồng*).

Án phí phúc thẩm: Bị đơn Mai Văn D18 chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận. Ông D19 khấu trừ số tiền đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm số 0000681 ngày 04/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao tỉnh Kiên Giang.

H2 lại cho bà Phạm Thị L12 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.550.000đ (*Hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0009784 ngày 15/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Gò Quao tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đã ký

Ngô Thị Minh Trang